

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phùng Chí Hiền^(*)

Điều tra “thu thập thông tin về HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản” là một nội dung của Tổng điều tra nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 7 năm 2006.

Việc phân tích các HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản để thấy rõ sự phát triển của các HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản, mặt mạnh, mặt yếu giúp lãnh đạo chỉ đạo có biện pháp đúng đắn, thiết thực đẩy mạnh sự phát triển của các HTX, tăng nhanh sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, nâng cao đời sống và cải thiện môi trường sống ở nông thôn.

1. Phân tích đặc trưng HTX

Các HTX phân theo loại hình kinh doanh có 3 loại: HTX nông nghiệp, HTX lâm nghiệp và HTX thủy sản. Số lượng và cơ cấu HTX theo loại hình kinh tế để phân ánh đặc điểm HTX theo loại hình, đánh giá vị trí từng loại hình. So sánh số lượng HTX và cơ cấu HTX theo loại hình với năm 2001 để đánh giá sự phát triển của các HTX, xem xét đã đúng với dự kiến đề ra hay không, nhằm có kế hoạch, biện pháp thiết thực đẩy nhanh sự phát triển các HTX.

Các HTX gồm các HTX thành lập mới và các HTX cũ đã chuyển đổi. Cơ cấu HTX theo HTX thành lập mới và HTX chuyển đổi nói chung và từng loại hình HTX giúp đánh giá việc chuyển đổi HTX và thành lập mới HTX theo từng loại hình HTX. So sánh số lượng HTX đã chuyển đổi, số lượng HTX mới thành lập, cơ cấu HTX theo HTX thành

lập mới và HTX chuyển đổi chung và theo từng loại hình so với năm 2001 để đánh giá sự phát triển, chuyển đổi HTX nhanh hay chậm đã phù hợp với kế hoạch đề ra hay không, nhằm có kế hoạch, biện pháp đúng đắn phát triển và chuyển đổi các loại hình HTX.

2. Phân tích các điều kiện cơ bản phục vụ quá trình sản xuất của HTX

So sánh với năm 2001 các chỉ tiêu về lao động (tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX, lao động là xã viên HTX, lao động thuê ngoài), về máy móc, thiết bị chủ yếu (máy kéo, ô tô, máy bơm nước, tàu, thuyền, xuồng đánh bắt thủy sản...), về vốn sản xuất (tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh, vốn tự có của HTX, vốn vay ngân hàng) của HTX nói chung và từng loại hình HTX để đánh giá một cách toàn diện và đầy đủ các điều kiện phục vụ quá trình phát triển của HTX có kế hoạch, biện pháp thích hợp sử dụng có hiệu quả hơn các điều kiện cơ bản của HTX.

Tính tỷ lệ số vốn của HTX (vốn của chủ sở hữu) so với tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh của các HTX nói chung và từng loại hình HTX nói riêng để thấy vai trò HTX trong việc đầu tư vào sản xuất kinh doanh có kế hoạch tăng cường và sử dụng hiệu quả vốn.

Phân tích nguồn đất HTX đang sử dụng tính số lượng và cơ cấu nguồn đất HTX sử dụng (theo 4 loại : đất do nhà nước giao, đất do xã viên góp, đất thuê mượn, đất thầu,

^[*] Tiến sỹ, Nguyên Chuyên viên Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

đất do các nguồn khác), tính số lượng và cơ cấu đất HTX đang sử dụng theo loại đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm, đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản) tính chung cho các HTX và theo từng loại hình HTX để đánh giá qui mô, mức độ sử dụng đất của các HTX, xem xét nguồn đất nào HTX đang sử dụng chủ yếu để có kế hoạch, biện pháp giúp HTX sử dụng tốt hơn nguồn đất, loại đất HTX hiện có.

Phân tích đánh giá đội ngũ cán bộ HTX (trưởng ban quản trị, chủ nhiệm, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng) tính cơ cấu đội ngũ cán bộ HTX, cơ cấu giới tính (nam, nữ), cơ cấu độ tuổi (dưới 30 tuổi, 30 đến 40 tuổi, 40 đến 50, trên 50 tuổi), cơ cấu trình độ giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), cơ cấu trình độ chuyên môn kỹ thuật (chưa qua đào tạo và không có bằng, chứng chỉ chuyên môn, sơ cấp công nhân kỹ thuật, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên) chung cho các HTX và từng loại hình HTX, so sánh với năm 2001 nhằm đánh giá với đội ngũ cán bộ chủ chốt HTX nói chung và từng loại cán bộ chủ chốt HTX về giới tính, về tuổi đời, về trình độ văn hoá, về trình độ chuyên môn để có kế hoạch thiết thực trẻ hoá và nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ HTX.

Để đánh giá qui mô và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của HTX tính các chỉ tiêu số lượng và tỷ lệ HTX có sử dụng máy vi tính phục vụ sản xuất kinh doanh, số lượng và tỷ lệ HTX có mạng cục bộ, số lượng, tỷ lệ HTX có sử dụng Internet, số lượng và tỷ lệ HTX có trang thông tin điện tử, số lượng và tỷ lệ HTX có giao dịch thương mại điện tử, tổng trị giá hàng hoá và dịch vụ qua mạng Internet, trị giá hàng hoá và dịch vụ qua mạng Internet bình quân một HTX, tổng trị giá mua hàng hoá và dịch vụ

qua mạng Internet, trị giá mua hàng hoá và dịch vụ qua mạng Internet bình quân một HTX. Các chỉ tiêu này tính chung cho các HTX và tính riêng cho từng loại hình HTX, từ đó giúp lãnh đạo có kế hoạch, biện pháp đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất kinh doanh của các HTX

3. Phân tích qui mô sản xuất của HTX

Để phân tích qui mô HTX nói chung và qui mô HTX theo từng loại hình HTX cần tính các chỉ tiêu:

- Số xã viên bình quân một HTX;
- Số xã viên là người lao động bình quân một HTX;
- Số lao động làm việc thường xuyên bình quân một HTX;
- Số lao động là xã viên bình quân một HTX;
- Số lao động thuê ngoài thường xuyên bình quân một HTX;
- Đất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân một HTX;
- Đất trồng cây hàng năm bình quân một HTX;
- Đất trồng cây lâu năm bình quân một HTX;
- Đất lâm nghiệp bình quân một HTX;
- Đất nuôi trồng thủy sản bình quân một HTX;
- Số vốn bình quân một HTX;
- Số vốn của HTX (chủ sở hữu) bình quân một HTX;

Các chỉ tiêu trên tính chung cho HTX và tính riêng cho từng loại hình HTX.

So sánh qui mô bình quân một HTX năm 2006 với năm 2001 thấy rõ xu hướng tăng, giảm qui mô các HTX nói chung và từng loại hình HTX để lãnh đạo chỉ đạo có kế hoạch, biện pháp thích hợp thúc đẩy sự lớn mạnh của các HTX.

4. Phân tích về việc hỗ trợ của nhà nước cho HTX năm 2005

Phân tích về việc hỗ trợ của nhà nước cho HTX cần tính các chỉ tiêu: Tổng số vốn

hỗ trợ của nhà nước cho HTX năm 2005, cơ cấu số vốn hỗ trợ của nhà nước theo nội dung hỗ trợ (theo 5 loại: Hỗ trợ cho xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, hỗ trợ đào tạo cán bộ xã viên, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, và các khâu hỗ trợ khác của nhà nước), cơ cấu số vốn hỗ trợ của nhà nước theo vốn phải hoàn trả lại và không phải hoàn trả lại chung cho các HTX và theo từng loại hình HTX, số vốn hỗ trợ bình quân một HTX, vốn hỗ trợ cho xây dựng cơ bản và mua sắm bình quân một HTX, vốn hỗ trợ đào tạo cán bộ xã viên bình quân một HTX, vốn hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ bình quân một HTX, vốn hỗ trợ xúc tiến thương mại bình quân một HTX, vốn hỗ trợ khác của nhà nước bình quân một HTX tính chung cho HTX và theo từng loại hình HTX để thấy rõ quy mô, mức độ hỗ trợ của nhà nước đối với các HTX nói chung, và với từng loại hình HTX, có kế hoạch, biện pháp thiết thực đối với việc hỗ trợ vốn và khoa học kỹ thuật cho các HTX.

Tính các chỉ tiêu: Số lượng cán bộ xã viên được đào tạo nhờ sự hỗ trợ của nhà nước, số lượng cán bộ xã viên được đào tạo nhờ sự hỗ trợ của nhà nước bình quân một HTX chung cho HTX và theo từng loại hình HTX phân theo số cán bộ và xã viên được đào tạo nhằm đánh giá quy mô, mức độ hỗ trợ của nhà nước trong việc đào tạo cán bộ xã viên HTX để nhà nước có kế hoạch, biện pháp tiếp tục hỗ trợ tốt hơn cho việc đào tạo cán bộ, xã viên HTX.

5. Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX

Phân tích kết quả hoạt động dịch vụ trong 12 tháng qua của HTX; tính tỷ lệ số HTX thực hiện từng khâu dịch vụ (làm đất, giống cây con, bảo vệ thực vật, thủy lợi, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ khác), tổng thu hoạt động dịch vụ năm 2005, thu hoạt động dịch vụ bình quân một HTX, thu hoạt động dịch vụ từng khâu bình quân một HTX, cơ cấu thu từ hoạt động dịch vụ theo từng khâu dịch vụ của các HTX nói chung và từng loại hình HTX để thấy mức độ vai trò của HTX trong từng khâu dịch vụ, khâu nào nhiều HTX làm dịch vụ, khâu nào ít HTX làm dịch vụ, so sánh với năm 2001 để thấy mức độ tăng giảm từng khâu dịch vụ, có kế hoạch thúc đẩy các HTX làm dịch vụ từng khâu, tăng thu hoạt động dịch vụ.

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất của HTX trong 12 tháng qua: Tính tỷ lệ HTX hoạt động sản xuất theo từng loại sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, trồng và chăm sóc bảo vệ rừng, khai thác lâm sản, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất công nghiệp khác, sản xuất khác), tổng thu hoạt động sản xuất của HTX năm 2005 bình quân một HTX, cơ cấu thu từ hoạt động sản xuất theo từng loại hoạt động sản xuất của các HTX nói chung và từng loại hình HTX nhằm đánh giá mức độ tham gia sản xuất của HTX, loại sản xuất nào nhiều HTX tham gia, loại sản xuất nào ít HTX tham gia, đánh giá mức độ, kết quả từng loại hoạt động sản xuất của HTX, vị trí từng khâu hoạt động sản xuất có kế hoạch thúc đẩy các HTX phát triển sản xuất, tăng thu nhập từ hoạt động sản xuất.

(tiếp theo trang 13)

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU (tiếp theo trang 16)

Để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTX cần so với năm 2001 về doanh thu, về lợi nhuận, đồng thời tính các chỉ tiêu: Doanh thu bình quân một HTX, giá trị xuất khẩu bình quân một HTX, lợi nhuận bình quân một HTX chung cho các HTX và từng loại hình HTX nhằm có kế hoạch, biện pháp thúc đẩy sản xuất, tăng lợi nhuận cho HTX.

Để phân tích tổng hợp các mặt của HTX (dân chủ, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh tế

và đời sống xã viên, phúc lợi của HTX cho xã viên, đoàn kết xây dựng cộng đồng), tính số lượng và cơ cấu HTX theo xếp loại HTX (HTX tốt, HTX khá, HTX trung bình, HTX yếu) chung cho HTX và cho từng loại hình HTX nhằm đánh giá thực trạng chất lượng HTX giúp lãnh đạo có kế hoạch biện pháp thúc đẩy HTX loại yếu, HTX trung bình lên HTX loại khá, HTX loại tốt; HTX loại khá lên HTX loại tốt và HTX loại tốt được giữ vững và tốt hơn ■